

Số: 4201/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Hc: - PKT/ĐBCL
- PCLĐT/CTSV
- Các tổ môn

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

13.2/2019

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

[Handwritten signature]

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/4/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này 06 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Khoa Luật:

1. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
2. Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính; ✓
3. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự; ✓
5. Chuyên ngành Luật kinh tế;
6. Chuyên ngành Luật quốc tế.

Điều 2. Các chương trình đào tạo kê trên áp dụng từ khóa tuyển sinh 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính và Chủ nhiệm Khoa Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, O8.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]
Nguyễn Hồng Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số: 9380101.01

(Ban hành theo Quyết định số 4201 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 10 tháng 12 năm 2018
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
 - + Tiếng Anh: Theory and history of state and law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9380101.01
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật
 - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Luật
 - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ Luật chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật có mục tiêu đào tạo những nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ cao, với kiến thức, kĩ năng và phẩm chất hiện đại, cập nhật, chuyên sâu cả về lí thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực lí luận nhà nước và pháp luật, lịch sử nhà nước và pháp luật, xã hội học pháp luật; có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học; có khả năng giảng dạy và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; tham gia vào quá trình tư vấn, phân biện, xây dựng, hoàn thiện các chính sách và pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội. *dh*

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

a) Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

b) Có đủ sức khỏe để học tập;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần với chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;

d) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

e) Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/ liên ngành công nhận. Đối với những người có bằng thạc sĩ nhưng chưa hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/ báo cáo khoa học;

f) Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn;

g) Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả

năng huy động NCS vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí cố thể chi cho các hoạt động nghiên cứu của NCS;

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

h) Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được ĐHQGHN phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật;

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Trong trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

i) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Khoa Luật;

k) Hồ sơ tuyển sinh: Đáp ứng đầy đủ hồ sơ tuyển sinh theo yêu cầu.

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần

3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành đúng

- Ngành đúng: Luật;

- Chuyên ngành đúng: Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

3.3.2. Danh mục chuyên ngành phù hợp

- Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật quốc tế, Luật hiến pháp và luật hành chính.

3.3.3. Danh mục chuyên ngành gần

- Pháp luật về quyền con người, Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng, Luật biển và quản lí biển, Luật hợp tác quốc tế và kinh doanh quốc tế. ✓

3.4. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 3 – 5 NCS/năm.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Đóng góp mới cho khoa học pháp lí; góp phần xây dựng, hình thành hoặc hoàn thiện hệ thống lí thuyết và nhận thức, cách tiếp cận chiến lược, giải pháp mới để giải quyết những vấn đề lí luận, thực tiễn đang đặt ra, phù hợp với chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;

- Đánh giá được tổng quan tài liệu nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước về đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; đưa ra những câu hỏi nghiên cứu có ý nghĩa; các giả thuyết khoa học đủ thuyết phục; phương pháp nghiên cứu đủ chắc chắn và phù hợp để công bố những luận điểm khoa học mới đóng góp cho khoa học pháp lí;

- Thể hiện được kiến thức cốt lõi, nền tảng cũng như kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu về đề tài nghiên cứu thuộc chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; làm chủ các lí thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu; khả năng suy luận, phân tích các vấn đề pháp lí liên quan đến đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật và đưa ra những giải pháp mang tính sáng tạo, độc đáo;

- Tổng hợp, đưa ra những kết quả nghiên cứu có giá trị đối với lĩnh vực luật học nói chung, lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật nói riêng, xét cả về lí thuyết khoa học cũng như trong thực tiễn quản lí;

- Công bố được ít nhất 02 bài báo liên quan đến nội dung của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/ Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỉ yếu hội thảo ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

- Đáp ứng các yêu cầu về hình thức của một luận án tiến sĩ luật học, các yêu cầu về quy trình phê duyệt đề tài theo Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội và các yêu cầu về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu về kiến thức chuyên môn

- Vận dụng, sáng tạo các tri thức mới về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí và phương pháp giảng dạy đại học để giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế trong giảng dạy và nghiên cứu chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;

- Vận dụng thành thạo hệ thống kiến thức cốt lõi, nền tảng, toàn diện về pháp luật, tổ chức quản lý, thực thi và bảo vệ pháp luật, các nguyên lý, học thuyết chung thuộc ngành đào tạo;

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, phản biện được hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu, các lý thuyết pháp lý hiện đại thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; hình thành, phát triển các nguyên lý, học thuyết mới của chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;

- Vận dụng kiến thức chung về quản trị, tổ chức cơ sở nghiên cứu và đào tạo thực hành luật trong lĩnh vực lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; có tư duy hệ thống, sáng tạo trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh;

- Sử dụng thành thạo những kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành phục vụ nghiên cứu khoa học pháp lý.

3. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Phân tích, đánh giá, dự báo các vấn đề của khoa học pháp lý cơ bản và chuyên ngành; phát hiện các vấn đề khoa học đang bỏ ngỏ; đề xuất các ý tưởng khoa học mới; thu thập và xử lý dữ liệu, lập luận, viết bài báo khoa học;

- Phân tích, đánh giá, phản biện các công trình, các luận cứ khoa học; nghiên cứu, sáng tạo, phát triển tri thức mới; đưa ra những kết luận khoa học mang tính chuyên gia trong lĩnh vực lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;

- Phân tích, tham khảo chọn lọc trên phương diện luật học so sánh lý luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài vào điều kiện của Việt Nam;

- Thích ứng nhanh với mọi môi trường làm việc, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong hoạt động nghiên cứu khoa học; hướng dẫn nghiên cứu khoa học; tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn, các đề tài nghiên cứu khoa học Chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, các đề tài khoa học mang tính liên ngành, đa ngành có liên quan.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Vận dụng thành thạo các lý thuyết khoa học trong lĩnh vực lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; sử dụng các phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu nhằm phát hiện và tổng hợp các nhu cầu phát sinh trong thực tiễn để giải quyết những vướng mắc, bất cập trong đời sống nhà nước và pháp luật;

- Sử dụng thành thạo các nguồn văn bản pháp luật cũng như ngoài văn bản pháp luật như án lệ, tập quán, thông lệ, học thuyết pháp lí và luật công bằng trong giải quyết các vấn đề chuyên môn;

- Vận dụng thành thạo việc nghiên cứu so sánh với pháp luật nước ngoài nhằm tìm ra giải pháp cải cách hệ thống pháp luật Việt Nam;

- Mô hình hóa, điển hình hóa các quan hệ xã hội để điều chỉnh bằng pháp luật; phát hiện và tổng hợp các yêu cầu thực tiễn trong lĩnh vực lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; phân tích, đánh giá, phát hiện, dự báo các vấn đề của khoa học pháp lí cơ bản, các vấn đề cơ bản trong đời sống nhà nước và pháp luật;

- Quản lí, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; phổ biến và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;

- Giảng dạy theo các phương pháp đào tạo hiện đại nhằm trang bị các kiến thức và kĩ năng cho người học để có thể tự nghiên cứu độc lập và sáng tạo;

- Thành thạo trong tư vấn pháp luật, chính sách cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đề xuất các quan điểm về hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật phù hợp với thực tiễn đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực.

4.2. Kĩ năng hỗ trợ

- Thành thạo kĩ năng làm việc nhóm, chia sẻ ý tưởng, thông tin, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo cao, tham gia có hiệu quả vào hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh theo chuyên ngành đào tạo;

- Phát triển kĩ năng nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện khoa học;

- Phát triển kĩ năng tra cứu, chọn lọc thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu;

- Viết và trình bày thành thạo các kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, bài báo quốc tế;

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi về môi trường công việc trong nước và quốc tế.

5. Yêu cầu về phẩm chất

5.1. Trách nhiệm công dân

- Bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội; xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

- Định hướng, dẫn dắt cộng đồng thực hiện trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lí.

5.2. Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một chuyên gia pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp, yêu nghề và đam mê nghiên cứu khoa học;
- Chuyên nghiệp, chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;
- Nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; cầu tiến, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp; tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân.

6. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc có tính hội nhập quốc tế; không ngừng học tập, nghiên cứu để phát triển tri thức;
- Thể hiện vai trò lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; định hướng và dẫn dắt người khác thực hiện việc nghiên cứu, sáng tạo các tri thức, kĩ năng mới trong lĩnh vực chuyên môn;
- Quyết định và xây dựng kế hoạch làm việc, quản lí các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, hình thành ý tưởng mới, quy trình mới trong xây dựng và áp dụng pháp luật;
- Đưa ra những đề xuất, sáng kiến có giá trị ứng dụng, những kết luận mang tính chuyên gia với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

7. Vị trí làm việc của NCS sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Luật chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, người học có thể sử dụng các kiến thức, kĩ năng, phẩm chất được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm thứ nhất, giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan;
- Nhóm thứ hai, làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, công an... và các cơ quan nhà nước khác từ ở trung ương và địa phương; làm việc tại các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội;
- Nhóm thứ ba, làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lí như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp.

nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp;

- Nhóm thứ bốn, làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

NCS có khả năng tự học tập, nâng cao trình độ; tham gia các chương trình đào tạo sau tiến sĩ về lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; tham gia các chương trình trao đổi học giả với các cơ sở đào tạo luật ở nước ngoài.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Người học phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **133 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức: **40 tín chỉ**

+ *Khối kiến thức chung*: **4 tín chỉ**

+ *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: **36 tín chỉ**

• **Bắt buộc**: **16 tín chỉ**

• **Tự chọn**: **20/40 tín chỉ**

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: **18 tín chỉ**

+ *Các học phần tiến sĩ*: **10 tín chỉ**

• **Bắt buộc**: **8 tín chỉ**

• **Tự chọn**: **2/10 tín chỉ**

+ *Các chuyên đề tiến sĩ*: **6 tín chỉ**

+ *Tiểu luận tổng quan*: **2 tín chỉ**

- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **75 tín chỉ**

1.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **103 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức: **10 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **8 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **2/12 tín chỉ**

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: **18 tín chỉ**
 - + Các học phần tiến sĩ: **10 tín chỉ**
 - Bắt buộc: **8 tín chỉ**
 - Tự chọn: **2/10 tín chỉ**
 - + Các chuyên đề tiến sĩ: **6 tín chỉ**
 - + Tiểu luận tổng quan: **2 tín chỉ**
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **75 tín chỉ**

1.3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **93 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: **18 tín chỉ**
 - + Các học phần tiến sĩ: **10 tín chỉ**
 - Bắt buộc: **8 tín chỉ**
 - Tự chọn: **2/10 tín chỉ**
 - + Các chuyên đề tiến sĩ: **6 tín chỉ**
 - + Tiểu luận tổng quan: **2 tín chỉ**
- Phần 2: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 4: Luận án tiến sĩ: **75 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I	Khối kiến thức chung		4				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II	Khối kiến cơ sở và chuyên ngành		36				
II.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		16				
2	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal Research Methods</i>	2	18	6	6	
3	THL6020	Nhà nước pháp quyền <i>The Rule of Law</i>	2	18	6	6	
4	THL6050	Các học thuyết đương đại về nhà nước và pháp luật <i>Contemporary theories of State and Law</i>	3	27	9	9	
5	THL6023	Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kì trung đại <i>Vietnamese State and Law in the Medieval Period</i>	3	27	9	9	
6	THL6026	Xã hội học xây dựng và thực hiện pháp luật <i>Sociology of Legislation and Legal Application</i>	3	27	9	9	
7	THL6053	Dịch vụ pháp lí <i>Legal Services</i>	3	27	9	9	
II.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		20/40				
8	THL6054	Văn hóa pháp luật so sánh <i>Comparing Legal Cultures</i>	3	27	9	9	
9	THL6024	Chức năng nhà nước đương đại <i>Functions of The Modern States</i>	2	18	6	6	
10	THL6055	Hệ thống pháp luật <i>Legal System</i>	3	27	9	9	
11	THL6043	Pháp luật về tự do báo chí <i>Law on Press Freedom</i>	2	18	6	6	
12	THL6028	Công lí và tiếp cận công lí <i>Justice and Access to Justice</i>	2	18	6	6	
13	THL6057	Các Bộ luật điển hình ở Việt Nam thời kì trung đại <i>Typical Vietnamese Codes in Middle Ages</i>	2	18	6	6	
14	THL6030	Thực hiện pháp luật về quyền con người <i>Application of Human Rights</i>	2	18	6	6	
15	THL6056	Pháp luật và phát triển bền vững <i>Law and Sustainable Development</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
16	THL6058	Các hệ thống pháp luật trên thế giới và sự du nhập pháp luật <i>Legal Systems of The World and the legal integration</i>	2	18	6	6	
17	THL6033	Trách nhiệm pháp lý <i>Legal Liability</i>	2	18	6	6	
18	THL6034	Cơ sở đạo đức của pháp luật <i>Moral Foundation of Law</i>	2	18	6	6	
19	THL6059	Án lệ và lập luận pháp lý trong án lệ <i>Precedent and Its Legal Reasoning</i>	3	27	9	9	
20	THL6038	Pháp luật về tự do hiệp hội <i>Law on Freedom of Association</i>	2	18	6	6	
21	THL6039	Triết học pháp luật <i>Legal philosophy</i>	2	18	6	6	
22	THL6040	Quy trình lập pháp hiện đại <i>Modern Legislative Process</i>	2	18	6	6	
23	THL6041	Lịch sử pháp luật phương đông <i>Legal History of The Orient</i>	2	18	6	6	
24	THL6042	Giới hạn các quyền cơ bản <i>Limitationsof Fundamental Rights</i>	2	18	6	6	
25	THL6045	Lịch sử pháp luật phương tây cận, hiện đại <i>Western Legal History in the Premodern and Modern Periods</i>	2	18	6	6	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I	Các học phần tiến sĩ		10				
I.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		8				
26	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal research and teaching methods in university</i>	2	18	6	6	
27	THL8001	Những vấn đề hiện đại về Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền <i>Modern issues of state and law in the context of promoting rule of law</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
28	THL8007	Lịch sử pháp luật <i>Legal history</i>	3	27	9	9	
I.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		2/10				
29	THL8004	Xã hội học hành vi pháp luật <i>Legal behavior sociology</i>	2	18	6	6	
30	THL8006	Nguồn pháp luật <i>Sources of law</i>	2	18	6	6	
31	THL8015	Giáo dục pháp luật <i>Education of law</i>	2	18	6	6	
32	THL8016	Giám sát thi hành pháp luật <i>Supervision of law enforcement</i>	2	18	6	6	
33	THL8017	Dân chủ cơ sở <i>Local democracy</i>	2	18	6	6	
II	Chuyên đề tiến sĩ		6				
34	THL8018	Chuyên đề 1 <i>The thesis 1</i>	2	0	0	30	
35	THL8019	Chuyên đề 2 <i>The thesis 2</i>	2	0	0	30	
36	THL8020	Chuyên đề 3 <i>The thesis 3</i>	2	0	0	30	
III	Tiểu luận tổng quan		2				
37	THL8021	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
38		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
39		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
40	THL9001	Luận án tiến sĩ	75				
Tổng cộng			133				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		8				
1	THL6020	Nhà nước pháp quyền <i>The Rule of Law</i>	2	18	6	6	
2	THL6023	Nhà nước và pháp luật Việt Nam thời kì trung đại <i>Vietnamese State and Law in the Medieval Period</i>	3	27	9	9	
3	THL6026	Xã hội học xây dựng và thực hiện pháp luật <i>Sociology of Legislation and Legal Application</i>	3	27	9	9	
II.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		2/12				
4	THL6028	Công lí và tiếp cận công lí <i>Justice and Access to Justice</i>	2	18	6	6	
5	THL6029	Quốc triều hình luật, nội dung cơ bản và giá trị đương đại <i>Quoc Trieu Hinh Luat: Fundamental Contents and Contemporary Values</i>	2	18	6	6	
6	THL6030	Thực hiện pháp luật về quyền con người <i>Application of Human Rights</i>	2	18	6	6	
7	THL6033	Trách nhiệm pháp lí <i>Legal Liability</i>	2	18	6	6	
8	THL6038	Pháp luật về tự do hiệp hội <i>Law on Freedom of Association</i>	2	18	6	6	
9	THL6040	Quy trình lập pháp hiện đại <i>Modern Legislative Process</i>	2	18	6	6	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIÊU LUẬN TỔNG QUAN							
I	Các học phần tiến sĩ		10				
I.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		8				
10	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal research and teaching methods in university</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
11	THL8001	Những vấn đề hiện đại về Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền <i>Modern issues of state and law in the context of promoting rule of law</i>	3	27	9	9	
12	THL8007	Lịch sử pháp luật <i>Legal history</i>	3	27	9	9	
I.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		2/10				
13	THL8004	Xã hội học hành vi pháp luật <i>Legal behavior sociology</i>	2	18	6	6	
14	THL8006	Nguồn pháp luật <i>Sources of law</i>	2	18	6	6	
15	THL8015	Giáo dục pháp luật <i>Education of law</i>	2	18	6	6	
16	THL8016	Giám sát thi hành pháp luật <i>Supervision of law enforcement</i>	2	18	6	6	
17	THL8017	Dân chủ cơ sở <i>Local democracy</i>	2	18	6	6	
II	Chuyên đề tiến sĩ		6				
18	THL8018	Chuyên đề 1 <i>The thesis 1</i>	2	0	0	30	
19	THL8019	Chuyên đề 2 <i>The thesis 2</i>	2	0	0	30	
20	THL8020	Chuyên đề 3 <i>The thesis 3</i>	2	0	0	30	
III	Tiểu luận tổng quan		2				
21	THL8021	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
22		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
23		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
24	THL9001	Luận án tiến sĩ	75				
Tổng cộng			103				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIÊN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I	Các học phần tiên sĩ		10				
I.1	Các học phần bắt buộc <i>Compulsory Subjects</i>		8				
1	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal research and teaching methods in university</i>	2	18	6	6	
2	THL8001	Những vấn đề hiện đại về Nhà nước và pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền <i>Modern issues of state and law in the context of promoting rule of law</i>	3	27	9	9	
3	THL8007	Lịch sử pháp luật <i>Legal history</i>	3	27	9	9	
I.2	Các học phần tự chọn <i>Optional Subjects</i>		2/10				
4	THL8004	Xã hội học hành vi pháp luật <i>Legal behavior sociology</i>	2	18	6	6	
5	THL8006	Nguồn pháp luật <i>Sources of law</i>	2	18	6	6	
6	THL8015	Giáo dục pháp luật <i>Education of law</i>	2	18	6	6	
7	THL8016	Giám sát thi hành pháp luật <i>Supervision of law enforcement</i>	2	18	6	6	
8	THL8017	Dân chủ cơ sở <i>Local democracy</i>	2	18	6	6	
II	Chuyên đề tiên sĩ		6				
9	THL8018	Chuyên đề 1 <i>The thesis 1</i>	2	0	0	30	
10	THL8019	Chuyên đề 2 <i>The thesis 2</i>	2	0	0	30	
11	THL8020	Chuyên đề 3 <i>The thesis 3</i>	2	0	0	30	
III	Tiểu luận tổng quan		2				
12	THL8021	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC							
13		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO							
14		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
15	THL9001	Luận án tiến sĩ	75				
Tổng cộng			93				